TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2026
"V/v *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu và bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2025/TLST - HNGĐ ngày 01/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/12/1975; Nơi cư trú: thôn Th, xã B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Số căn cước công dân: 044075000610

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh ngày 01/5/1977; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Th, xã B, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh không rõ địa chỉ. Vắng mặt

Số căn cước: 044177000650

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa anh Nguyễn Viết H trình bày: Anh và chị Trần Thị L sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh

Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2017 vợ chồng anh chị cùng đi xuất cảnh lao động sang nước ngoài cũng chính từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của chị Trần Thị L thông qua người thân chị L là chị Trần Thị Tuyết- chị gái ruột của chị L, chị Tuyết cho biết anh H và chị L có quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống với nhau được một thời gian thì anh chị cùng sang Anh làm ăn, sau đó không biết lý do vì sao anh H về nước trước, chị L vẫn ở lại nước Anh, chị không biết mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng. Quá trình chung sống anh H và chị L không có con chung. Chị chỉ biết được chị L hiện tại đang ở nước Anh, chị không biết địa chỉ cụ thể như thế nào, tuy nhiên chị thường xuyên liên lạc với chị L và đã thông báo cho chị L biết việc anh H làm đơn ly hôn, chị đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho chị L cam đoan sẽ thông báo cho chị L. Chị L không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án và cũng không cung cấp địa chỉ của chị hiện nay tại nước ngoài.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, Điều 123 và 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 476, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Viết H được ly hôn với chị Trần Thị L; về con chung: không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét; Về án phí buộc anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 1063/CV-QLXNC, ngày 27/8/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Trần Thị L đã xuất cảnh ngày 5/6/2017, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị L đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của chị Trần Thị L qua chị Trần Thị Tuyết là chị gái của chị L. Chị Tuyết không cung cấp địa chỉ hiện tại của chị L tại nước ngoài. Tòa án gửi công văn đề nghị ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng thông tin cho chị L. Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin cho chị L trong 3 ngày liên tiếp từ ngày 02, 03 và 04/12/2025 nhưng chị L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L đăng ký kết hôn ngày 28/5/2015 tại UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện,

không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của anh H hiện vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của chị L, tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Tuyết (chị gái của chị L), đăng thông tin cho chị L trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng chị L không có mặt tại Tòa án theo giấy báo cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Do đó, anh H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng, anh H không còn tình cảm với chị L, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chấp nhận đơn khởi kiện của anh H xử cho anh Nguyễn Viết H được ly hôn với chị Trần Thị L.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống anh H và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Viết H trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Viết H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273, 464, 469, 477, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Trần Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết H, xử cho anh Nguyễn Viết H được ly hôn chị Trần Thị L.

3. Về quan hệ con chung: không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Viết H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002072 ngày 01/12/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Viết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Thanh Trạch
(nay là xã B)
Số GCNKH: 61 ngày 28/5/2015;
- Các đương sự;
- Công an xã Bắc Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm